

Tuyên Quang, ngày tháng 11 năm 2025

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH MỨC THU, CHẾ ĐỘ THU, NỘP VÀ QUẢN LÝ LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ KINH DOANH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG VỚI VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. 2. Đối tượng áp dụng a) Đối tượng nộp lệ phí: Các hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (bao gồm cả giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã). b) Tổ chức thu lệ phí: Phòng Kinh tế đối với xã hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị đối với phường. c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện nghị quyết này.	Quy định cụ thể phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng đảm bảo phù hợp với quy định Luật Hợp tác xã, Nghị định số 168/2025/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản khác liên quan.
	Điều 2. Đối tượng miễn lệ phí 1. Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 10 Luật phí và lệ phí 2015 quy định: "Các đối tượng thuộc diện miễn, giảm phí, lệ phí bao gồm trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công

	2. Hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện cập nhật, bổ sung thông tin do thay đổi địa giới hành chính.	với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”. Do vậy, miễn lệ phí đăng ký kinh doanh với các đối tượng này. Căn cứ quy định tại Khoản 8 Điều 10 Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân quy định: “Miễn thu phí, lệ phí cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đối với các loại giấy tờ nếu phải cấp lại, cấp đổi khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy nhà nước theo quy định của pháp luật”. Do vậy, hộ kinh doanh, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh khi thực hiện cập nhật, bổ sung thông tin do thay đổi địa giới hành chính.																				
Có biểu mức thu hiện trạng tại Phụ lục 1 hồ sơ dự thảo Nghị quyết	Điều 3. Nội dung và mức thu lệ phí 1. Mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh khi thực hiện các thủ tục hành chính bằng hình thức trực tiếp: <table><tr><th>STT</th><th>Nội dung thu</th><th>Đơn vị tính</th><th>Mức thu</th></tr><tr><td>I.</td><td colspan="3">LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH</td></tr><tr><td>1</td><td>Lệ phí cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh</td><td>Đồng/lần</td><td>100.000</td></tr><tr><td>2</td><td>Lệ phí cấp lại, thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh</td><td>Đồng/lần</td><td>20.000</td></tr><tr><td>II.</td><td colspan="3">LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, HỢP TÁC XÃ</td></tr></table>	STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu	I.	LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH			1	Lệ phí cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Đồng/lần	100.000	2	Lệ phí cấp lại, thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Đồng/lần	20.000	II.	LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, HỢP TÁC XÃ			Nguyên tắc xác định mức thu lệ phí theo quy định tại Điều 9, Luật Phí và Lệ phí năm 2015 là “Mức thu lệ phí được ấn định trước, không nhằm mục đích bù đắp chi phí”. Do vậy, mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh được đề xuất như sau: a) Mức thu lệ phí bằng hình thức trực tiếp: Cơ bản giữ nguyên theo mức thu của Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang (trước sắp xếp), và mức thu Nghị quyết 37/2024/NQ-HĐND ngày 30/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang (trước sắp xếp). b) Mức thu lệ phí bằng hình thức trực tuyến: 0 đồng: Thực hiện Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 14/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai
STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu																			
I.	LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH																					
1	Lệ phí cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Đồng/lần	100.000																			
2	Lệ phí cấp lại, thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Đồng/lần	20.000																			
II.	LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, HỢP TÁC XÃ																					

	1	Lệ phí cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã	Đồng/lần	200.000	“Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030”, tại điểm o mục 2 Chỉ thị số 07/CT-TTg có giao: "Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Nghiên cứu, báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đẩy mạnh chính sách thu phí “0 đồng” đối với việc thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến thuộc phạm vi giải quyết của địa phương...”. Do vậy, để triển khai kịp thời, đồng bộ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 14/3/2025 và đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, từng bước khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Sở Tài chính đề xuất mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến bằng 0 (không) đồng.
	2	Lệ phí cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	Đồng/lần	100.000	
	3	Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã	Đồng/lần	30.000	
	4	Lệ phí cấp lại, cấp thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã (bao gồm: cấp lại, thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã)	Đồng/lần	20.000	
	III.	LỆ PHÍ CẤP BẢN SAO			
	1	Lệ phí cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã	Đồng/bản	5.000	
2. Mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến bằng 0 (không) đồng.					

	Điều 4. Chế độ và phương thức thu, nộp lệ phí¹ 1. Chế độ thu nộp lệ phí: Tổ chức thu lệ phí nộp 100% lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước; thực hiện kê khai, nộp số tiền lệ phí thu được theo quy định của Luật Phí và Lệ phí, Luật Quản lý thuế, các văn bản hướng dẫn thi hành luật và quy định của pháp luật có liên quan. 2. Phương thức thu, nộp lệ phí Hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Quy định về chế độ và phương thức thu, nộp lệ phí đảm bảo thực hiện thống nhất trong toàn tỉnh theo quy định của pháp luật.
	Điều 5. Tổ chức thực hiện 1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật. 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.	Quy định về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện Nghị quyết.
	Điều 6. Điều khoản thi hành 1. Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2025 và bãi bỏ các Nghị quyết: 2. Bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết sau: a) Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. b) Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang quy định về lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa	Quy định thời gian có hiệu lực của Quyết định và nội dung xử lý chuyển tiếp để bảo đảm khi Quyết định này có hiệu lực sẽ không có những vấn đề vướng mắc phát sinh khi tổ chức thực hiện. Đồng thời bãi bỏ các Nghị quyết không đảm bảo phù hợp với chính quyền địa phương 2 cấp và các văn bản hướng dẫn thi hành luật.

¹ Quy định về chế độ và phương thức thu, nộp lệ phí đảm bảo thống nhất với quy định tại Điều 3 Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính.

	bàn tỉnh Hà Giang. 3. Bãi bỏ một phần các Nghị quyết sau: a) Bãi bỏ cụm từ “lệ phí đăng ký kinh doanh” tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. b) Bãi bỏ số thứ tự 31 Phụ lục III; số thứ tự 33 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	
--	--	--